TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số:103/2023 /HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 9 - 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn,
nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông**: Đặng Thế Ứng**.
2/ Ông: **Dương Thanh Phương**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thành Lộc** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh ngày 07/11/1994; (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang.
2/ Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1993; (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2023 và lời khai thể hiện có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:* Do quen biết trước chị H và anh Trương Văn N được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào cuối năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C, theo giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 11/12/2020. Sau khi cưới về chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; anh N thường hay nhậu nhẹt không lo làm ăn để lo cho vợ con; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu xin được ly hôn với anh N vì cho rằng về tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống chung không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Trần Gia Khang, sinh ngày 03/02/2021; hiện cháu Khang đang sống chung với chị H từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị H để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trương Văn N dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết đinh hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung.

[2] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt nguyên đơn anh Trương Văn N. Xét thấy, bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn anh N.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị H: yêu cầu xin được ly hôn với anh Trương Văn N. Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn với anh N, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc. Phía anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án. Xét thấy, trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, đã triệu tập phía anh N nhiều lần đến để hòa giải về việc chị H xin ly hôn với anh N. Nếu như về tình cảm vợ chồng, anh N muốn vợ chồng đoàn tụ lại thì anh N phải đến Tòa án để gặp chị H, để hòa giải về tình cảm vợ chồng xem có khả năng đoàn tụ hàn gắn lại được hay không nhưng phía anh N không đến, thể hiện anh N không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng đối với chị H. Ngoài ra, theo chị H khai giữa chị H và anh N đã ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng với nhau từ tháng 03 năm 2022 cho đến nay. Cho thấy, về tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nên Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H và cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trương Văn N.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Trần Gia Khang, sinh ngày 03/02/2021; hiện cháu Khang đang sống chung với chị H từ khi vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Nếu ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Khang hiện do chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng ly thân với nhau cho đến nay đã ổn định về mọi mặt và có xác nhận của chính quyền địa phương và cháu Khang dưới 03 tuổi; nên Hội đồng xét xử đã

có đủ căn cứ giao cháu Trương Trần Gia Khang cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do phía chị H chưa có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này chị H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị H được quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị H để vợ chồng tự thỏa thuận nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh N thì vắng mặt tại phiên tòa và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này phía anh N và chị H không thỏa thuận được với nhau và có tranh chấp thì được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trương Trần Gia Khang, sinh ngày 03/02/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do phía chị H chưa có yêu cầu; anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0018506 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy; nên chị H đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn anh Trương Văn N thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã B.TX Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn